

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN ĐỐI VỚI TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐

[04] Kỳ tính thuế: Năm ...

[05] Lần đầu ☐ [06] Bổ sung lần thứ: ☐

[7] **Tên người nộp thuế:**

[8] Mã số thuế người nộp thuế:

[9] **Hợp đồng dầu khí (PSC)**
lô:

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[11] **Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế** (nếu có).....

[12] Mã số thuế:

[13] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày:

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán trong kỳ tính thuế	[14]	Thùng/MMBTU/GJ	
2	<i>Sản lượng dầu thô, condensate, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi</i> <i>[15]=[14]x[16]</i>	[15]	Tấn/m ³	
3	<i>Hệ số quy đổi</i>	[16]	<i>Tấn/thùng;</i> <i>MMBTU/m³;</i> <i>GJ/m³</i>	
4	Giá bán	[17]	USD/thùng; USD/MMBTU; USD/GJ	
5	Doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế [18]=[14]x[17]	[18]	USD	
6	Thuế tài nguyên phải nộp	[19]	USD	
7	Thuế xuất khẩu phải nộp	[20]	USD	
8	Các loại thuế khác, khoản thu khác phải nộp NSNN (nếu có)	[21]	USD	
9	Dầu, khí thu hồi chi phí	[22]	USD	
10	Chi phí được trừ khác của PSC	[23]	USD	
11	Lợi nhuận trước thuế TNDN [24]=[18]-{[19]+ [20]+ [21]+ [22]+ [23]}	[24]	USD	
12	Thuế suất thuế TNDN	[25]	%	

13	Thuế TNDN phải nộp $[26]=[24]\times[25]$	[26]	USD	
14	Lãi dầu, khí sau thuế $[27]=[24]-[26]$	[27]	USD	
15	Tỷ lệ chia cho nước chủ nhà	[28]	%	
16	Lãi dầu, khí sau thuế của nước chủ nhà $[29]=[27]\times[28]$	[29]	USD	
17	Chi phí được trừ khác của nước chủ nhà tại PSC theo pháp luật dầu khí	[30]	USD	
18	Thu nhập khác/các khoản chia khác của nước chủ nhà	[31]	USD	
19	Phí quản lý, giám sát các Hợp đồng dầu khí theo quy định	[32]	USD	
20	Lãi dầu, khí nước chủ nhà còn lại của Hợp đồng dầu khí $[33]=\{[29]-[30]-[32]\}+[31]$	[33]	USD	
21	Tỷ lệ (%) nộp ngân sách	[34]	%	
22	Tỷ lệ (%) để lại Công ty mẹ - PVN	[35]	%	
23	Số tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước $[36]=([29]-[30]-[32])\times[34]+[31]$	[36]	USD	
24	Số tiền nộp về Công ty mẹ - PVN $[37]=[35]\times([29]-[30]-[32])$	[37]	USD	
25	Số tiền lãi dầu, khí NCN tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[38]	USD	
26	Chênh lệch giữa số tiền còn phải nộp theo quyết toán với số đã nộp trong kỳ $[39]=[36]-[38]$	[39]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)/Ký điện tử

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [7]: Tên người nộp thuế là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Lô...)

- Trường hợp NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
- USD: đô la Mỹ; PSC: Hợp đồng dầu khí